

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2017/HSST

Ngày: 19-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Châu

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Phi Long – Kiểm sát viên trung cấp

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2017/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN DUY Q, Sinh ngày 07/6/1993 tại tỉnh Bến Tre

Nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện Đ, tỉnh Bến Tre; *số CMND:* xxxxxxxxxx; *nghề nghiệp:* Làm thuê; *trình độ văn hóa:* 07/12; *dân tộc:* Kinh; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị H; có vợ: Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2017; *tiền sự:* Không; *tiền án:* Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Công ty tài chính TNHH Một thành viên C.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1984, nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Duy Q bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C (gọi tắt là Công ty C), địa chỉ trụ sở tại tầng x, x và xx tòa nhà P, số xx Nguyễn Đăng G, Quận x Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số xxxxxxxxxx, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05-3-2009. Công ty C có ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh với

Công ty Cổ phần T, địa chỉ trụ sở tại số xxx Trần Quang K, phường Đ, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh để cung cấp dịch vụ cho vay trả góp mua hàng hóa. Khi khách hàng đến cửa hàng mua sản phẩm nhưng không muốn thanh toán tiền một lần hoặc muốn vay tiền mặt thì Công ty C hỗ trợ khách hàng bằng cách ký hợp đồng tín dụng với khách hàng để cho vay tiền, khách hàng sẽ thanh toán tiền góp hàng tháng cho công ty qua ngân hàng hoặc nhân viên của công ty.

Nguyễn Duy Q được 01 người bạn tên H ở xã L, huyện Đ, tỉnh Bến Tre (không rõ lai lịch) đưa cho giấy chứng minh nhân dân số xxxxxxxxxx và giấy phép lái xe số xxxxxxxxxxxxxx mang tên Phạm Văn Đ1, sinh ngày 26-9-1992, ngụ tại ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre nói với Q là nhặt được các giấy tờ trên và kêu Q mang đi mua điện thoại di động trả góp, nếu mua được thì cho H 500.000 đồng (có vợ Q là Trần Thị Ngọc C chứng kiến sự việc). Ngày 09-4-2016, Q đi vào quán Internet đối diện công chào xã M để thuê máy tính lên mạng, Q vào trang web A của Công ty T lựa chọn điện thoại di động hiệu HTC mẫu Desire 820G+ với giá 3.990.000 đồng, chọn vào mục mua trả góp của Công ty C, điền các thông tin cá nhân của Phạm Văn Đ1 vào trang web để đăng ký mua, sau đó ra về. Khoảng 02 giờ sau, nhân viên Công ty C điện cho Q hỏi lại thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin 02 người thân để tham chiếu, Q đã cho thông tin cha ruột là Nguyễn Văn Đ2 và anh là Phạm Văn P; sau đó nhân viên yêu cầu Q đến cửa hàng T ở phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre để làm thủ tục nhận điện thoại và mang theo 990.000 đồng trả trước.

Ngày 10-4-2016, Q nhờ người bạn tên Trương Thị Kim N ở ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Bến Tre chở Q đi đến cửa hàng T ở phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre để mua điện thoại, Q gặp Nguyễn Thị Yến X, là nhân viên Công ty C, Q nói mình là Phạm Văn Đ1 và đưa giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe cho X kiểm tra, X photô 01 bản cho Q ký xác nhận, chụp hình của Q rồi tiếp tục cho Q ký các tài liệu gồm:

- Hợp đồng tín dụng trả góp vay số tiền 3.143.000 đồng.
- Đề nghị vay vốn.
- Thỏa thuận trọng tài.
- Giấy mua bảo hiểm.
- Bản đăng ký dịch vụ điện tử.

Tất cả tài liệu này Q đều ký và ghi tên là Phạm Văn Đ1 sau đó nhận điện thoại, trả trước 990.000 đồng và ra về.

Khoảng 01 tháng sau, Q đã làm mất điện thoại cùng với ví tiền trong đó có giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của Phạm Văn Đ1.

Kết luận giám định số 125/2017/GĐTL ngày 19-7-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Chữ viết ghi “Phạm Văn Đ1” trên các tài liệu gồm: Hợp đồng tín dụng trả góp vay số tiền 3.143.000 đồng, đề nghị vay vốn, thỏa thuận trọng tài, giấy mua bảo hiểm, bản đăng ký dịch vụ điện tử giữa Công ty C với

Phạm Văn Đ1 đều là chữ viết của Nguyễn Duy Q.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre đã trả lại các giấy tờ có liên quan cho anh Nguyễn Văn D – đại diện theo ủy quyền của Công ty C.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Duy Q đã khai nhận phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được thu thập. Q đã bồi thường cho Công ty C số tiền 500.000 đồng.

Đối với người tên H sẽ tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 01/KSĐT-KT ngày 17-8-2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phù hợp nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ đã được thu thập.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã bồi thường trước cho Công ty C 500.000 đồng, buộc bị cáo bồi thường tiếp cho Công ty C theo luật định.

Lời nói sau cùng của bị cáo yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Qua lời khai nhận của bị cáo, người làm chứng, kết hợp các chứng cứ đã được thu thập có cơ sở xác định. Nguyễn Duy Q được 01 người bạn tên H đưa cho giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Phạm Văn Đ1. Ngày 09-4-2016, Q vào trang web A của Công ty T lựa chọn điện thoại di động mua với hình thức trả góp của Công ty C và điền các thông tin cá nhân của Phạm Văn Đ1 vào trang web để đăng ký mua, được nhân viên Công ty yêu cầu Q đến cửa hàng T ở phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre để làm thủ tục nhận điện thoại và mang theo 990.000 đồng trả trước. Ngày 10-4-2016, Q cùng bạn tên Trương Thị Kim N đến cửa hàng T ở phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre để mua điện thoại, Q gặp nhân viên Công ty C và nói mình là Phạm Văn Đ1 và đưa giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe làm các thủ tục, Q ký vào các tài liệu gồm: Hợp đồng tín dụng trả góp vay số tiền 3.143.000 đồng; Đề nghị vay vốn; Thỏa thuận trọng tài; Giấy mua bảo hiểm; Bản đăng ký dịch vụ điện tử. Tất cả tài liệu này Q đều ký và ghi tên là Phạm Văn Đ1 sau đó nhận điện thoại, trả trước 990.000 đồng và ra về. Ý thức của bị cáo sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Phạm Văn Đ1 đưa vào các tài liệu

giao dịch để khi Công ty có đòi nợ thì đòi anh Đ1 mà không đòi bị cáo. Để bị cáo chiếm đoạt điện thoại đã mua.

[2] Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự là có cơ sở phù hợp luật định.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật. Hành vi của bị cáo cần áp dụng hình phạt tù nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo chưa tiền án tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải nên đã bồi thường cho Công ty C 500.000 đồng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, thuộc dạng lao động làm thuê, bị cáo có một con còn nhỏ. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt tù và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên cho bị cáo hưởng án treo, cũng đủ sức cải tạo giáo dục bị cáo.

[4] Phần trách nhiệm dân sự Đại diện theo ủy quyền của Công ty C yêu cầu bồi thường 5.051.000 đồng gồm tiền theo hợp đồng, phí hợp đồng và lãi chậm trả đến khi yêu cầu khởi tố.

Yêu cầu của Đại diện Công ty, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu của Đại diện Công ty C thấy rằng hành vi của bị cáo là hành vi vi phạm pháp luật hình sự, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt khi hành vi của bị cáo hoàn thành với số tiền 3.143.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt bao nhiêu thì chịu trách nhiệm bấy nhiêu. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm với số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 3.143.000 đồng được trừ đi 500.000 đồng đã bồi thường trước còn phải bồi thường tiếp là 2.643.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 139; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy Q** 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19-9-

2017.

Giao bị cáo Nguyễn Duy Q về cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Bến Tre, gia đình của bị cáo phối hợp giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy Q phải bồi thường tiếp cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên C 2.643.000 (Hai triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nếu chưa thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 22 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Duy Q phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã V – Huyện Đ (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Nguyên đơn dân sự, người đại diện theo ủy quyền (2b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tĩnh